

Số: 1011/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính, danh mục 04 thành phần hồ sơ phải số hoá của 02 thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2017/QĐ-BCT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang, gồm:

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh: 01 thủ tục.
- Thủ tục hành chính cấp xã: 01 thủ tục.

*(có Phụ lục I kèm theo).*

2. Danh mục 04 thành phần hồ sơ phải số hoá của 02 thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử *(có Phụ lục II kèm theo).*

**Điều 2.** Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. **Thời gian hoàn thành trong 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (nếu có). **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

c) Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

d) Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

## 2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc, hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).

## 3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực thuộc thực hiện công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả đối với danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP; sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và danh mục 04 thành phần hồ sơ phải số hóa của 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- VPCP (Cục KSTTHC); (báo cáo)
- Bộ Công Thương; (báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Phòng KT-VPUBND tỉnh; (đ/c Cường)
- Lưu: VT, THCBKS<sup>Nhung</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Tuấn**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
<b>I THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 01 thủ tục sửa đổi, bổ sung</b>								
1	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương	21 (Hai mươi một) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 21 ngày trong trường hợp phức tạp <sup>1</sup> .	1. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương) 2. Trực tuyến: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh ( <a href="https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn">https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn</a> )	Không quy định	- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023; - Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. <sup>2</sup>	X	X
<b>II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 01 thủ tục mới ban hành</b>								
1	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Không quy định	a) Qua đường bưu điện; b) Trực tiếp tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; c) Qua thư điện tử kèm chữ ký số hoặc kèm bản scan thông báo có chữ ký và đóng dấu của tổ chức, cá nhân kinh doanh đến địa chỉ thư điện tử đã được Ủy ban nhân dân cấp xã công bố; d) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp	Không	- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/6/2023; - Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	X	X

<sup>1</sup>Cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày xuống còn 21 ngày.

<sup>2</sup>Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung của thủ tục hành chính.

**PHỤ LỤC 4**  
**DANH MỤC 04 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ THEO QUY ĐỊNH TẠI**  
**THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP CỦA 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH,**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUAN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**  
**TỈNH TUYỀN QUANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh: 01 thủ tục sửa đổi, bổ sung</b>
<b>1</b>	<b>Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của địa phương</b>
<b>1.1</b>	Đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ
<b>1.2</b>	Dự thảo hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bằng tiếng Việt
<b>II</b>	<b>Cấp xã: 01 thủ tục mới ban hành</b>
<b>1</b>	<b>Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên</b>
<b>1.1</b>	Thông báo thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ (Trường hợp thông báo lần đầu)
<b>1.2</b>	Thông báo sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ (Trường hợp sửa đổi, bổ sung thông báo)